

Số: 507/2019/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 390/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Võ Quang M – sinh năm 1987; địa chỉ: Đường N, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Hải H – sinh năm 1987; địa chỉ: Đường D, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số 02/2012 đăng ký ngày 10 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đ thì ông Võ Quang M và bà Nguyễn Hải H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Quang M và bà Nguyễn Hải H.

- Về con chung: Có một con chung tên Võ Ngọc Minh C, sinh ngày 04/8/2015.

Cả hai thống nhất thỏa thuận giao con chung cho cho bà Nguyễn Hải H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Quang Minh cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Quang M và bà Nguyễn Hải H xác nhận không có.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Võ Quang M và bà Nguyễn Hải H phải chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Quang M và bà Nguyễn Hải H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Hải H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Võ Ngọc Minh C, sinh ngày 04/8/2015. Ông Võ Quang M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Hải H đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Quang M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Võ Quang M và bà Nguyễn Hải H chịu toàn bộ và được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông M, bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038214 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- CCTHADS quận T;
- UBND phường E, Tp. B, tỉnh Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Giấy CNKH số 06, quyền số 02/2012, đăng ký ngày 10/01/2013 ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo